

HOÀN THIỆN CÁC QUY ĐỊNH VỀ GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP TRONG HOẠT ĐỘNG TỔ TỤNG HÌNH SỰ

HOÀNG ANH TUYẾN*

Tóm tắt: Giám định tư pháp và việc thực hiện, ban hành kết luận giám định có vai trò quan trọng trong việc giải quyết vụ án hình sự, nhằm giúp các cơ quan tiến hành tố tụng ban hành các quyết định tố tụng được khách quan, đầy đủ, đúng đắn và kịp thời. Bài viết phân tích các vướng mắc, bất cập, hạn chế về giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự, từ đó đề xuất các giải pháp hoàn thiện pháp luật tố tụng hình sự đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

Từ khóa: Giám định tư pháp; Luật Giám định tư pháp; tố tụng hình sự

Ngày nhận bài: 10/6/2024; Biên tập xong: 20/6/2024; Duyệt đăng: 24/6/2024

COMPLETING REGULATIONS ON JUDICIAL EXPERTISE IN CRIMINAL PROCEDURES

Abstract: Judicial expertise and the implementation and issuance of expert conclusions play an crucial role in resolving criminal cases. It helps the procedure-conducting agencies to issue procedural decisions objectively, sufficiently, correctly and timely. The article analyzes limitations of judicial expertise in criminal procedures, thereby proposes solutions to improve criminal procedure law to meet the requirements of crime prevention and fight in the new situation.

Keywords: Judicial expertise; Law on judicial expertise; criminal procedures

Received: Jun 10th 2024; **Editing completed:** Jun 20th 2024; **Accepted for publication:** Jun 24th 2024

Đặt vấn đề

Theo Từ điển tiếng Việt, “giám định” là “việc xem xét và kết luận về một sự vật, hiện tượng mà cơ quan nhà nước cần tìm hiểu và xác định”¹. Giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự là việc người giám định sử dụng kiến thức, phương tiện, phương pháp khoa học, kỹ thuật, nghiệp vụ để kết luận về chuyên môn những vấn đề có liên quan đến hoạt động điều tra, truy tố, xét xử và thi hành án hình sự theo quyết định trung cầu của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng hoặc theo yêu cầu của người yêu cầu giám định. Kết quả của hoạt động giám định tư pháp trong tố tụng hình sự cung cấp cho cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng những chứng cứ mang tính khoa học, góp phần giải quyết vụ án hình sự được chính xác, khách quan, đúng pháp luật, bảo đảm các quyền và lợi ích hợp pháp của tổ chức, cá nhân. Việc giám định tư pháp không chỉ nhằm xác định tội phạm, người thực hiện hành vi phạm tội, khung hình phạt được áp dụng mà còn liên quan đến nghĩa vụ dân sự, bồi thường thiệt hại trong vụ án hình sự.

Ở nước ta, giám định tư pháp trong tố tụng hình sự thời gian gần đây được đặc biệt quan tâm. Hệ thống pháp luật về giám định tư pháp nói chung, trong hoạt động tố tụng hình sự nói riêng đến nay về cơ bản khá toàn diện, đầy đủ, từ Bộ luật Tố tụng hình sự (BLTTHS), Luật Giám định tư pháp đến các nghị định, thông tư liên tịch, thông tư, quy chế phối hợp liên ngành về giám định tư pháp đã tạo cơ sở pháp lý cho quá trình thực hiện chức năng, nhiệm vụ của các cơ quan, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng².

Thực tiễn cho thấy giám định tư pháp trong tố tụng hình sự trong thời gian qua có nhiều chuyên biến, đáp ứng yêu cầu cao của các cơ quan tiến hành tố tụng trong bối cảnh nhu cầu giám định tư pháp ngày càng lớn, số vụ cần giám định ngày càng tăng, yêu cầu ngày càng cao trong đấu tranh phòng, chống tội phạm, nhất là tội phạm kinh tế, tham nhũng, chức vụ. Tuy nhiên, hoạt động giám

* Email: Tuyenha@tks.edu.vn

Tiến sĩ, Phó Hiệu trưởng Trường Đại học Kiểm sát Hà Nội

² Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2020), *Thực tiễn thi hành pháp luật về giám định tư pháp trong ngành Kiểm sát nhân dân – Giải pháp và kiến nghị hoàn thiện*, Đề tài khoa học cấp Bộ, tr. 1.

¹ Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng & Trung tâm từ điển tin học, Đà Nẵng, 2003, tr. 389.

định tư pháp vẫn còn một số hạn chế, bất cập như: Việc giám định tư pháp hình sự chưa được thực hiện theo quy trình, quy chuẩn thống nhất nên có tình trạng mâu thuẫn giữa các kết luận giám định, gây khó khăn cho hoạt động điều tra, truy tố, xét xử, thời gian giám định còn kéo dài, làm chậm quá trình giải quyết vụ án; một số kết luận còn chung chung, mập mờ, không rõ ràng, không trả lời cụ thể câu hỏi của cơ quan trung cầu đặt ra và có dấu hiệu né tránh làm cho các cơ quan tiến hành tố tụng lúng túng, khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Thực trạng này có nhiều nguyên nhân, trong đó có nguyên nhân là do pháp luật về giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự chưa đầy đủ, đồng bộ, thống nhất. Do đó, cần tiếp tục tổng kết, nghiên cứu, đề xuất hoàn thiện các quy định về giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự, phục vụ cho quá trình giải quyết vụ án hình sự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng, chống tội phạm trong tình hình mới.

1. Pháp điển hóa những trường hợp cần thiết phải trung cầu giám định

BTLTTHS năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2021 (BLTTHS năm 2015) chỉ quy định những trường hợp bắt buộc phải trung cầu giám định (Điều 206), thiếu quy định trong trường hợp nếu vụ án, vụ việc đã có chứng cứ, tài liệu xác định được nội dung, vấn đề cần chứng minh theo quy định của pháp luật tố tụng hình sự thì không tiến hành trung cầu giám định. Để khắc phục tình trạng lạm dụng việc giám định, gây khó khăn cho công tác điều tra, truy tố và xét xử, tháo gỡ những vướng mắc, bất cập trong thực tiễn giải quyết các vụ án tham nhũng, kinh tế, ngày 13/12/2017, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao, Bộ Công an, Bộ Tư pháp đã ban hành Thông tư liên tịch số 01/2017/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP quy định những trường hợp cần thiết phải trung cầu giám định tư pháp trong giải quyết vụ án, vụ việc về tham nhũng, kinh tế (Thông tư liên tịch số 01/2017). Hiệu quả áp dụng Thông tư liên tịch này đã được thực tế kiểm nghiệm. Do đó, để bảo đảm tính quy phạm và hiệu lực của các quy định về các trường hợp cần thiết phải trung cầu giám định trong Thông tư liên tịch này, cũng như bảo đảm tính đồng bộ, thống nhất, bao quát các trường hợp cần thiết phải trung cầu giám

định ở các lĩnh vực, trên cơ sở pháp điển hóa Thông tư liên tịch số 01/2017, BLTTHS cần bổ sung quy định: Ngoài những trường hợp bắt buộc trung cầu giám định theo quy định tại Điều 206 BLTTHS năm 2015, chỉ khi cần có đánh giá, kết luận của tổ chức, người giám định tư pháp về chuyên môn về nội dung, vấn đề có liên quan trong vụ án, vụ việc để chứng minh hành vi phạm tội, thiệt hại, hậu quả của hành vi phạm tội thì cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng có thẩm quyền ra quyết định trung cầu giám định; trong trường hợp đã có chứng cứ, tài liệu xác định được nội dung, vấn đề cần chứng minh theo quy định của pháp luật tố tụng thì không tiến hành trung cầu giám định.

2. Quy định đầy đủ các loại thời hạn giám định

BLTTHS năm 2015 đã quy định cụ thể thời hạn giám định đối với từng trường hợp bắt buộc phải trung cầu giám định nhằm đảm bảo việc giải quyết vụ án được nhanh chóng, chính xác, kịp thời, gắn được trách nhiệm của cơ quan, người được trung cầu giám định trong việc thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, Bộ luật cũng chỉ quy định thời hạn giám định cho 06 trường hợp bắt buộc phải trung cầu giám định theo Điều 206. Đối với các trường hợp khác, do khó xác định thời hạn giám định nên BLTTHS quy định "*Thời hạn giám định đối với các trường hợp khác thực hiện theo quyết định trung cầu giám định*" - tức là cơ quan trung cầu giám định và tổ chức, cá nhân thực hiện giám định, trên cơ sở lĩnh vực giám định, đối tượng, tài liệu, mẫu vật giám định để quyết định thời hạn giám định cụ thể. Điều này đã gây khó khăn trong trường hợp cơ quan trung cầu và cá nhân, tổ chức thực hiện giám định không thống nhất được thời gian thực hiện giám định ngay từ ban đầu thì cơ quan trung cầu không thể ghi rõ thời hạn trả kết luận giám định trong quyết định trung cầu, dẫn đến kéo dài việc giám định do không ràng buộc các cơ quan, tổ chức giám định đẩy nhanh tiến độ thực hiện giám định trong thời hạn luật định, từ đó gây ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vụ việc, nhất là trong lĩnh vực đấu tranh phòng, chống tội phạm kinh tế, tham nhũng, chức vụ.

Đây là vấn đề lớn đặt ra trong quá trình xây dựng dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một

số điều của Luật Giám định tư pháp nên đã có khá nhiều ý kiến, tranh luận. Có ý kiến cho rằng chỉ bổ sung quy định mang tính nguyên tắc về thời hạn giám định, tức là quy định trách nhiệm của các Bộ, ngành chuyên quản lý lĩnh vực giám định trong việc ấn định thời hạn giám định cụ thể đối với từng loại việc giám định trong quy trình, quy chuẩn giám định để bảo đảm tính đồng bộ, tương thích với quy định của pháp luật tố tụng, đồng thời cũng khắc phục được tình trạng chậm trễ trong tiếp nhận, thực hiện giám định, gây ảnh hưởng đến tiến độ xử lý các vụ án, vụ việc về kinh tế, tham nhũng, chức vụ. Ý kiến này cũng có tính hợp lý bởi mỗi lĩnh vực giám định có thời hạn giám định riêng, phụ thuộc vào quy trình, quy chuẩn giám định riêng của lĩnh vực đó và việc giao cho các Bộ, ngành chuyên quản sẽ xác định chính xác thời hạn giám định. Tuy nhiên, nếu chỉ quy định mang tính nguyên tắc như vậy cũng sẽ không giải quyết được bất cập, hạn chế do phải mất nhiều thời gian để các Bộ, ngành ấn định được thời hạn giám định cụ thể. Ý kiến khác cho rằng, một trong những tồn tại, hạn chế lớn nhất hiện nay của công tác giám định chính là thời hạn giám định kéo dài, chậm trễ nên Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp phải bổ sung quy định về thời hạn giám định. Theo đó, mặc dù về nguyên tắc, thời hạn giám định phải được quy định trong luật tố tụng - luật về trình tự, thủ tục nhưng do BLTTHS năm 2015 mới chỉ có hiệu lực thi hành từ ngày 01/01/2018 nên chưa có điều kiện để sửa đổi, bổ sung ngay được. Trong khi đó, định hướng Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp là để phục vụ tốt hơn công tác đấu tranh phòng, chống tham nhũng nên phải quy định cụ thể thời hạn giám định để giải quyết nhanh chóng các vụ án, vụ việc, nhất là các vụ án, vụ việc tham nhũng, kinh tế, những vụ án, vụ việc thuộc diện theo dõi, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống tham nhũng³.

Vì vậy, để khắc phục kịp thời tồn tại, hạn chế nêu trên, Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp đã bổ sung quy định về thời gian giám định. Theo đó, thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp

bắt buộc phải trung cầu giám định được thực hiện theo quy định của pháp luật về tố tụng hình sự. Thời hạn giám định tư pháp đối với các trường hợp khác là 03 tháng, tối đa là 04 tháng trong trường hợp vụ việc giám định có tính chất phức tạp hoặc khối lượng công việc lớn được xác định căn cứ trên cơ sở thực tiễn của hoạt động giám định tư pháp (như trong các lĩnh vực tài chính, ngân hàng, xây dựng, giao thông vận tải, tài nguyên và môi trường, khoa học và công nghệ...). Trên cơ sở thời hạn giám định này, giao trách nhiệm cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên môn về lĩnh vực giám định tư pháp căn cứ vào tính chất chuyên môn của lĩnh vực giám định để quy định thời hạn giám định cho từng loại việc cụ thể. Các trường hợp này có thể được gia hạn nhưng không quá một phần hai thời hạn giám định tối đa đối với loại việc đó.

Như vậy, cũng như vấn đề căn cứ trung cầu giám định; đánh giá, sử dụng kết luận giám định thì thời hạn giám định thuộc phạm vi điều chỉnh của pháp luật về tố tụng. Việc quy định thời hạn giám định ngoài các trường hợp bắt buộc phải trung cầu giám định trong Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp là giải pháp tình thế nên chưa bảo đảm tính phù hợp về phạm vi điều chỉnh của BLTTHS và Luật Giám định tư pháp. Do đó, trong thời gian tới, cần chuyển quy định thời hạn giám định tư pháp trong trường hợp trung cầu giám định tại Điều 26a Luật Giám định tư pháp về BLTTHS.

3. Hoàn thiện quy định về các trường hợp bắt buộc trung cầu giám định

Khoản 5 Điều 206 BLTTHS năm 2015 quy định bắt buộc phải trung cầu giám định khi cần xác định chất ma túy, vũ khí quân dụng, vật liệu nổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, tiền giả, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ. Theo quy định về bảo quản vật chứng tại điểm b khoản 1 Điều 90 BLTTHS năm 2015, vật chứng là tiền, vàng, bạc, kim khí quý, đá quý, đồ cổ, chất cháy, chất độc, chất phóng xạ, vũ khí quân dụng phải được giám định ngay sau khi thu thập và chuyển ngay để bảo quản tại Kho bạc Nhà nước hoặc cơ quan chuyên trách. Việc giám định trong các trường hợp này là rất quan trọng để định tội danh, xác định khung hình phạt đối với một số tội phạm như: Các tội phạm về ma túy; tội làm,

³ Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Tlđđ*, tr.84-85.

tàng trữ, vận chuyển, lưu hành tiền giả; tội chế tạo, tàng trữ, vận chuyển, sử dụng, mua bán trái phép hoặc chiếm đoạt vũ khí quân dụng, phương tiện kỹ thuật quân sự...

Tuy nhiên, do chưa có hướng dẫn cụ thể nên còn có những quan điểm, cách hiểu khác nhau về việc giám định đối với vật chứng thu được thuộc một trong các trường hợp trên. Ví dụ, vật chứng thu được là tiền trong vụ án hình sự, có hai quan điểm như sau: *Quan điểm thứ nhất cho rằng*, mọi trường hợp khi vật chứng thu được là tiền thì phải tiến hành giám định ngay theo quy định tại Điều 90 BLTTHS do quy định vật chứng là “tiền” mà không bắt buộc phải là “tiền giả”. Nếu các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng không thực hiện việc trưng cầu giám định là vi phạm nghiêm trọng thủ tục tố tụng. *Quan điểm thứ hai cho rằng*, chỉ trưng cầu giám định khi có căn cứ cho rằng đó là “tiền giả” thì mới thực hiện việc trưng cầu giám định bởi lẽ Điều 206 BLTTHS năm 2015 quy định bắt buộc trưng cầu giám định khi “cần” xác định đó là tiền giả.

Tác giả cho rằng, không phải bất cứ trường hợp nào khi vật chứng thu giữ được là tiền thì các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng đều phải thực hiện việc trưng cầu giám định. Điều này gây mất nhiều thời gian, chi phí giám định, trong khi phần nhiều các tội phạm được quy định trong Bộ luật Hình sự thì đối tượng tác động của tội phạm là vật chất (chủ yếu là tiền) và tiền mà tội phạm có được (trực tiếp hoặc gián tiếp) sẽ là vật chứng trong vụ án hình sự nếu các cơ quan tiến hành tố tụng thu được khi giải quyết vụ án. Do đó, việc quy định phải giám định vật chứng là tiền sẽ gây khó khăn trong quá trình điều tra, xử lý vụ án. Ví dụ, trong vụ án Phan Sào Nam và đồng phạm bị xét xử về tội tổ chức đánh bạc và đánh bạc bằng hình thức game bài trên mạng internet, Cơ quan điều tra thu được hàng ngàn tỉ đồng. Đây là vật chứng trong vụ án, nếu thực hiện theo quy định tại Điều 90 BLTTHS thì sẽ rất mất thời gian vì số tiền là rất lớn. Đồng thời, trong thực tế vụ án, số tiền thu được cũng không phải tiến hành giám định vì không có ý nghĩa đối với việc giải quyết vụ án tuy rằng đây là vật chứng. Như vậy, theo quan điểm của tác giả, chỉ bắt buộc giám định ngay đối với tiền khi cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có căn cứ để

nghi ngờ đó là “tiền giả” trong quá trình giải quyết tin báo, tố giác tội phạm và kiến nghị khởi tố hoặc trong quá trình tiến hành điều tra, truy tố, xét xử vụ án hoặc có khiếu nại, tố cáo của cá nhân, cơ quan, tổ chức⁴.

Đối với trường hợp đồ cổ, bắt buộc phải trưng cầu giám định thì không có văn bản quy phạm pháp luật nào quy định thế nào là đồ cổ, trong khi Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017) có 07 tội danh quy định có hành vi liên quan đến di vật, cổ vật (chứ không phải là đồ cổ) là dấu hiệu định tội hoặc định khung hình phạt tại các điều 173, 176, 177, 178, 188, 189 và 418. Luật Di sản văn hóa năm 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) chỉ đưa ra khái niệm thế nào là di vật, cổ vật⁵. Như vậy, có bắt buộc phải giám định đối với di vật, cổ vật không khi việc xác định một vật là di vật, cổ vật phải do người, cơ quan có chuyên môn giám định, kết luận thì mới có cơ sở chứ không thể dựa trên nhận định chủ quan của các cơ quan tiến hành tố tụng được⁶.

Từ những phân tích nêu trên, tác giả cho rằng cần sửa đổi một phần điểm b khoản 1 Điều 90 BLTTHS cho phù hợp với Điều 206 BLTTHS để có được cách hiểu thống nhất khi áp dụng pháp luật như sau: “*Khi cần xác định vật chứng là tiền giả, vàng, bạc kim khí quý, đá quý, di vật, cổ vật, chất nổ, chất độc, chất phóng xạ, vũ khí quân dụng, chất ma túy thì phải được giám định ngay sau khi thu thập...*”. Đồng thời, cần có hướng dẫn cụ thể chỉ trưng cầu giám định khi có căn cứ cho rằng đó là “tiền giả”. Không phải bất cứ trường hợp nào khi vật chứng thu giữ được là “tiền” đều phải thực hiện việc trưng cầu giám định bởi việc phải giám định vật chứng là tiền sẽ gây khó khăn trong quá trình điều tra, xử lý vụ án, mất nhiều thời gian, chi phí giám định.

4. Sửa đổi, bổ sung các quy định về kết luận giám định

Kết luận giám định có ý nghĩa vô cùng quan trọng trong việc thu thập, xác lập chứng

⁴ Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Tlđđ*, tr.92.

⁵ Điều 5, 6 Điều 4 Luật Di sản văn hóa 2001 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

⁶ Phạm Văn Tuấn (2019), *Quy định về giám định tư pháp và kiến nghị hoàn thiện*, <https://tapchitoaan.vn/quy-dinh-ve-giam-dinh-tu-phap-va-kien-nghi-hoan-thien>, truy cập ngày 09/6/2024.

cứ, củng cố chứng cứ, kiểm tra chứng cứ, là cơ sở để các cơ quan, người tiến hành tố tụng khởi tố, điều tra, truy tố và xét xử. Kết luận giám định sai có thể dẫn đến oan, sai hoặc bỏ lọt tội phạm. Tuy nhiên, trên thực tế còn có một số kết luận giám định chưa đúng, chưa đầy đủ, chưa đáp ứng được yêu cầu. Ví dụ: Kết luận giám định không viện dẫn văn bản, căn cứ pháp lý để ra kết luận, kết luận không chính xác; khi giám định thương tích thì lại không xác định được cơ chế, thời điểm hình thành dấu vết, không nêu cụ thể, chi tiết từng thương tích. Một số kết luận giám định sử dụng từ ngữ khó hiểu hoặc chung chung như “nghĩ nhiều về”, “nhiều khả năng”, không kết luận theo yêu cầu của cơ quan trung cầu mà chỉ nêu “chỉ có giá trị tham khảo”; có dấu hiệu “né tránh”, nhất là giám định về tài chính, ngân hàng, kinh tế do khó khăn, áp lực về việc thực hiện, kinh phí giám định cao, dẫn đến các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng lúng túng, khó khăn trong quá trình giải quyết vụ án. Một số kết luận giám định vượt quá phạm vi yêu cầu giám định như đề nghị xem xét trách nhiệm hình sự đối với bị can, bị cáo khi quyết định hình phạt; kết luận giám định pháp y tâm thần có nội dung đề nghị áp dụng tình tiết giảm nhẹ do có bệnh; hay tại bản kết luận giám định kỹ thuật hình sự, có nội dung hành vi đó đã làm sai lệch hồ sơ, giấy tờ...⁷.

Ngoài ra, còn có sự nhầm lẫn giữa hoạt động, trách nhiệm chứng minh của các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng với hoạt động trung cầu giám định như trung cầu giám định xác định thiệt hại trong các vụ án kinh tế, tham nhũng, chức vụ nên nhiều trường hợp người giám định tư pháp, tổ chức giám định tư pháp từ chối thực hiện với lý do không thuộc phạm vi chuyên môn hoặc vượt quá khả năng về chuyên môn của cá nhân, tổ chức được trung cầu. Trong khi đó, việc xác định thiệt hại không phải là hoạt động giám định tư pháp. Hoạt động giám định tư pháp cung cấp nguồn chứng cứ, giúp cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật. Do đó, trong tố tụng hình sự, việc xác định thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật, tội phạm gây ra luật làm căn cứ giải quyết vụ án thuộc thẩm

quyền và trách nhiệm của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng. Các cơ quan này có nhiệm vụ đánh giá chứng cứ thông qua các chứng cứ, tài liệu thu thập được từ các nguồn các nhau, trong đó có kết luận giám định tư pháp để xác định thiệt hại do hành vi vi phạm pháp luật gây ra.

Do vậy, để khắc phục những vi phạm, thiếu sót, bất cập nêu trên, cần hoàn thiện các quy định về giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự theo hướng quy định cụ thể quyền và trách nhiệm của bên trung cầu và bên được trung cầu. Theo đó, cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng có nghĩa vụ xác định rõ nội dung, lĩnh vực hoặc chuyên ngành cần giám định trong vụ án, vụ việc đang giải quyết; nêu cụ thể từng nội dung cần giám định và kết luận, tránh trung cầu vượt ra khỏi phạm vi chuyên môn giám định; cung cấp kịp thời, đầy đủ thông tin, tài liệu, mẫu vật có liên quan đến đối tượng, nội dung cần giám định. Tổ chức được trung cầu có trách nhiệm phân công, bảo đảm thời gian thực hiện giám định cho người đã được phân công. Người giám định có trách nhiệm kết luận rõ ràng, nhận xét, đánh giá cụ thể về chuyên môn những nội dung được trung cầu. Kết luận giám định phải được dựa trên đối tượng gửi giám định (mẫu cần giám định và mẫu so sánh) bảo đảm yêu cầu về pháp lý và kỹ thuật; các phương pháp giám định và các phương tiện sử dụng phải chính xác, khoa học và phù hợp; những kết quả thu được trong quá trình giám định đủ độ tin cậy; những mâu thuẫn xuất hiện trong quá trình giám định được giải thích hợp lý; những cơ sở để kết luận là đủ và có căn cứ khoa học. Trong bản kết luận phải ghi đầy đủ, chính xác những đối tượng giám định, những phương pháp giám định, những phương tiện đã sử dụng khi giám định, kết quả giám định cùng những đánh giá biện luận các kết quả thu được. Phần kết luận phải trả lời từng câu hỏi theo thứ tự ghi trong phân nội dung yêu cầu giám định một cách chính xác, rõ ràng, không dẫn đến hiểu sai, hiểu lầm kết quả giám định. Nếu có bản minh họa kèm theo thì trong bản kết luận giám định phải ghi rõ có bản minh họa kèm theo (nếu là bản ảnh minh họa thì gồm bao nhiêu ảnh)...

Khoản 1 Điều 29 Luật Giám định tư pháp quy định: “Việc giám định lại được thực

⁷ Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, *Tlđđ*, tr.53-54.

hiện trong trường hợp có căn cứ cho rằng kết luận giám định lần đầu không chính xác"; còn khoản 1 Điều 211 BLTTHS năm 2015 quy định: "Việc giám định lại được thực hiện khi có nghi ngờ kết luận giám định lần đầu không chính xác". Tuy nhiên, như thế nào là "có căn cứ cho rằng", "nghi ngờ" kết luận giám định lần đầu không chính xác thì chưa có quy định, hướng dẫn nên dễ dẫn đến việc tùy tiện trong việc ra quyết định trung cầu giám định lại. Hơn nữa, các trường hợp cùng một tổ chức giám định hoặc các tổ chức giám định khác nhau mà ban hành kết luận giám định khác nhau về cùng một vấn đề giám định thì các cơ quan tiến hành tố tụng căn cứ vào kết luận nào để giải quyết vụ án hay bắt buộc phải trung cầu giám định lại lần thứ hai. Trong khi đó, về bản chất, hoạt động giám định là hoạt động khoa học, không phải là cấp hành chính trên dưới, có giá trị pháp lý cao hơn; việc sử dụng kết luận giám định nào thuộc thẩm quyền, trách nhiệm của người tiến hành tố tụng trên cơ sở xem xét, đánh giá, sử dụng, bảo đảm thống nhất, phù hợp với các chứng cứ khác trong vụ án, vụ việc. Do đó, cần sửa đổi, bổ sung hoàn thiện các quy định pháp luật về vấn đề này.

5. Ban hành đầy đủ quy trình, quy chuẩn chuyên môn về giám định

Việc xem xét, đánh giá kết luận giám định phải căn cứ vào quy chuẩn chuyên môn; quy trình giám định; phương pháp giám định, phương tiện giám định và khả năng chuyên môn, sự độc lập, khách quan của người giám định. Quy chuẩn chuyên môn là tổng hợp của quy trình và tiêu chuẩn khoa học được cơ quan có thẩm quyền ban hành theo đúng trình tự, thủ tục pháp luật, là căn cứ pháp lý để người giám định tư pháp thực hiện và kết luận giám định. Mỗi lĩnh vực giám định có quy chuẩn chuyên môn riêng, do cơ quan có thẩm quyền ban hành hoặc hướng dẫn áp dụng. Tuân theo quy chuẩn chuyên môn là yêu cầu đối với người thực hiện giám định tư pháp phải thực hiện đầy đủ, chính xác về trình tự, thủ tục thực hiện giám định cũng như việc áp dụng tiêu chuẩn khi kết luận giám định, để bảo đảm hoạt động và ban hành kết luận giám định chính xác.

Trong thời gian qua, các Bộ, ngành đã khẩn trương, tích cực xây dựng, ban hành các văn bản quy phạm pháp luật thuộc phạm vi

trách nhiệm quản lý, trong đó có quy định về quy trình, quy chuẩn giám định tư pháp trong tố tụng hình sự như: Bộ Công an ban hành Thông tư số 33/2021/TT-BCA ngày 29/3/2021 về 34 quy trình giám định kỹ thuật hình sự, Thông tư số 01/2022/TT-BCA ngày 01/01/2022 về 17 quy trình giám định kỹ thuật hình sự. Bộ Xây dựng ban hành Thông tư số 17/2021/TT-BXD ngày 22/12/2021 quy định một số nội dung về hoạt động giám định tư pháp trong lĩnh vực xây dựng. Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Thông tư số 20/2022/TT-BNNPTNT ngày 22/12/2022 quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực nông nghiệp và phát triển nông thôn. Bộ Tư pháp ban hành Thông tư số 09/2023/TT-BTP ngày 29/12/2023 quy định về giám định tư pháp trong lĩnh vực tư pháp. Bộ Y tế ban hành Quyết định số 299/QĐ-BYT ngày 06/02/2024 về quy trình giám định tư pháp theo vụ việc trong tố tụng hình sự thuộc Bộ Y tế...

Tuy nhiên, còn nhiều lĩnh vực chưa có quy trình, quy chuẩn chuyên môn về giám định tư pháp, trong đó có những những lĩnh vực giám định khó, đòi hỏi phải có phương pháp, cách thức tiến hành giám định phù hợp như lĩnh vực chứng khoán, tội phạm công nghệ cao, giám định kỹ thuật số và điện tử, giám định âm thanh, hình ảnh... Điều này dẫn đến nhiều vụ án, vụ việc cơ quan trung cầu, người trung cầu lúng túng khi đánh giá, sử dụng kết luận giám định. Do đó, cần sớm nghiên cứu, xây dựng, ban hành đầy đủ quy trình giám định; ban hành hoặc hướng dẫn áp dụng quy chuẩn chuyên môn cho hoạt động giám định tư pháp trong tố tụng hình sự đối với các lĩnh vực chưa có hướng dẫn.

6. Bổ sung các trường hợp từ chối hoặc thay đổi người giám định; bổ sung người giám định là đối tượng được bảo vệ

Khoản 5 Điều 68 BLTTHS năm 2015 quy định 04 trường hợp người giám định phải từ chối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi khi thuộc một trong các trường hợp họ đồng thời là bị hại, đương sự; là người đại diện, người thân thích của bị hại, đương sự hoặc của bị can, bị cáo. Tuy nhiên, Điều luật này còn thiếu trường hợp người giám định phải từ chối tham gia tố tụng hoặc bị thay đổi khi họ đồng thời là người bị tố giác, người bị kiến nghị khởi tố, bởi việc giám định được tiến hành

cả ở giai đoạn tiếp nhận, giải quyết tố giác, tin báo về tội phạm và kiến nghị khởi tố. Do đó, BLTTHS cần bổ sung trường hợp này cho đầy đủ, bảo đảm việc thực hiện và ban hành kết luận giám định tư pháp được vô tư, khách quan, chính xác.

Khoản 1 Điều 484 BLTTHS năm 2015 quy định đối tượng được bảo vệ bao gồm: Người tố giác tội phạm, người làm chứng, bị hại, người thân thích của những người này khi có căn cứ xác định tính mạng, sức khỏe, tài sản, danh dự, nhân phẩm của những người này bị xâm hại hoặc bị đe dọa xâm hại khi cung cấp chứng cứ, tài liệu, thông tin liên quan đến tội phạm mà không có người giám định. Thực tiễn cho thấy, người giám định là người rất quan trọng trong việc làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án, vụ việc nên có những vụ việc người giám định bị đe dọa, cưỡng ép phải làm sai lệch kết quả giám định, ảnh hưởng đến xác định sự thật khách quan của vụ án. Tuy nhiên, Điều luật này không quy định về việc bảo vệ người giám định tư pháp và người thân thích của họ khi những người này có dấu hiệu bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản do việc thực hiện giám định, tham gia vụ án, vụ việc với tư cách là người giám định. Điều này gián tiếp dẫn đến việc nhiều người giám định từ chối giám định, làm ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án, vụ việc. Do đó, cần bổ sung người giám định và người thân thích của họ thuộc đối tượng được cơ quan có thẩm quyền bảo vệ tại khoản 1 Điều 484 nêu trên nhằm bảo vệ người giám định và người thân thích của họ khi những người này có dấu hiệu bị đe dọa đến tính mạng, sức khỏe, danh dự, nhân phẩm, tài sản khi thực hiện việc giám định.

Kết luận

Kết luận giám định là một trong các nguồn chứng cứ để giải quyết vụ án, vụ việc nên hoạt động giám định đóng một vai trò hết sức quan trọng. Kết quả giám định là một trong những tài liệu, chứng cứ quan trọng để chứng minh có hay không có hành vi phạm tội, ai là người thực hiện hành vi phạm tội, thiệt hại do hành vi phạm tội gây ra, giúp các cơ quan tiến hành tố tụng giải quyết các vụ án, vụ việc hình sự được công bằng, đúng pháp luật, không bỏ lọt tội phạm, không làm oan người vô tội.

Trong điều kiện nhà nước đang đẩy mạnh công cuộc cải cách tư pháp và xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam, việc đổi mới và hoàn thiện các quy định về giám định tư pháp là một trong những vấn đề quan trọng, cấp bách để nâng cao chất lượng, hiệu quả hoạt động giám định tư pháp trong hoạt động tố tụng hình sự, đáp ứng yêu cầu đấu tranh phòng chống tội phạm trong tình hình mới./.

TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Nghị quyết số 27-NQ/TW ngày 09/11/2022 Hội nghị lần thứ sáu Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa XIII về tiếp tục xây dựng và hoàn thiện Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa Việt Nam trong giai đoạn mới;
2. Quyết định số 250/QĐ-TTg ngày 28/02/2018 về việc phê duyệt Đề án “Tiếp tục đổi mới và nâng cao hiệu quả hoạt động giám định tư pháp”;
3. Viện Ngôn ngữ học, *Từ điển tiếng Việt*, Nxb. Đà Nẵng & Trung tâm từ điển tin học, Đà Nẵng, 2003;
4. Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2019), *Báo cáo số 89/BC-VKSTC ngày 23/5/2019 tổng kết 05 năm thi hành Luật Giám định tư pháp trong ngành Kiểm sát nhân dân*;
5. Vụ Pháp chế và Quản lý khoa học – Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2020), *Thực tiễn thi hành pháp luật về giám định tư pháp trong ngành Kiểm sát nhân dân – Giải pháp và kiến nghị hoàn thiện*, Đề tài khoa học cấp Bộ;
6. Vụ 3, Viện kiểm sát nhân dân tối cao (2020), *Những khó khăn, vướng mắc của hoạt động giám định tư pháp qua hoạt động kiểm sát việc điều tra các vụ án kinh tế, tham nhũng; kiến nghị phương án chỉnh lý dự thảo Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giám định tư pháp*, tài liệu tại Tọa đàm “Việc thực hiện giám định tư pháp trong trường hợp cần phối hợp nhiều cơ quan, tổ chức” của Ủy ban Tư pháp của Quốc hội;
7. Nguyễn Công Long (2020), “Bàn về áp dụng quy định giám định tư pháp đối với hoạt động giám định ngoài tố tụng”, *Tạp chí Nghiên cứu lập pháp*;
8. Thái Vũ (2019), *Sửa đổi Luật Giám định tư pháp để giải quyết tốt hơn những vụ án về tham nhũng kinh tế*, <https://tapchitoaan.vn/sua-doi-luat-giam-dinh-tu-phap-de-giai-quyet-tot-hon-nhung-vu-an-ve-tham-nhung-kinh-te>;
9. Phạm Văn Tuấn (2019), *Quy định về giám định tư pháp và kiến nghị hoàn thiện*, <https://tapchitoaan.vn/quy-dinh-ve-giam-dinh-tu-phap-va-kien-nghi-hoan-thien>.